



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản Trị	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

178
IG T
KH HƯ
TOÁN
C.L
Đ C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 736/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 55.500.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Chu Mai Hào	Chủ tịch
Ông Cáp Hữu Ánh	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Thái Hòa	Thành viên
Ông Cao Tứ Tài	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Thắng	Thành viên
Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên
Ông Nguyễn An Giang	Thành viên (được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (được miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 09 năm 2014)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Cáp Hữu Ánh	Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Bích Dung	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHU MAI HÀO



Số: 15.156/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1505-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.652.005.986	80.354.823.629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.861.011.539	6.901.549.723
1. Tiền	111		6.861.011.539	5.901.549.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	7.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	24.165.535.033	28.672.524.769
1. Phải thu khách hàng	131		24.000.931.668	26.269.460.023
2. Trả trước cho người bán	132		523.799.472	2.383.024.785
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		605.683.737	678.044.529
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(964.879.844)	(658.004.568)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	32.971.434.414	37.711.303.238
1. Hàng tồn kho	141		33.391.515.422	38.311.136.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(420.081.008)	(599.833.221)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		654.025.000	69.445.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		563.711.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		90.314.000	69.445.899

(Phần tiếp theo trang 06)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.144.489.609	93.404.609.842
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.488.099.825	56.770.195.248
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	32.633.276.016	35.859.028.944
+ Nguyên giá	222		96.321.360.526	94.731.690.928
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.688.084.510)	(58.872.661.984)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	4.669.005.841	20.725.348.336
+ Nguyên giá	228		5.436.726.091	22.478.622.239
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(767.720.250)	(1.753.273.903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		185.817.968	185.817.968
III. Bất động sản đầu tư	240	5.6	36.512.051.389	21.948.399.487
+ Nguyên giá	241		51.746.077.150	34.474.841.002
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.234.025.761)	(12.526.441.515)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	14.850.000.000	14.190.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.760.000.000	14.100.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		90.000.000	90.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		294.338.395	496.015.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		252.338.395	454.015.107
3. Tài sản dài hạn khác	268		42.000.000	42.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		161.796.495.595	173.759.433.471

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.320.688.373	57.809.506.282
I. Nợ ngắn hạn	310		35.404.304.550	52.946.903.579
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	5.716.569.258	23.938.656.160
2. Phải trả người bán	312		5.547.923.952	5.071.478.912
3. Người mua trả tiền trước	313		660.753.544	21.832.921
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	3.193.584.393	3.689.979.973
5. Phải trả người lao động	315	5.10	7.381.957.454	8.011.344.839
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	8.085.395.690	8.006.555.513
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.12	4.818.120.259	4.207.055.261
II. Nợ dài hạn	330		2.916.383.823	4.862.602.703
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	1.595.503.800	2.221.722.680
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	1.320.880.023	2.640.880.023
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.475.807.222	115.949.927.189
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	123.475.807.222	115.949.927.189
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.500.000.000	55.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.380.542.000	17.380.542.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.833.657.560	23.738.540.191
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.550.000.000	5.550.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.211.607.662	13.780.844.998
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		161.796.495.595	173.759.433.471

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ		37.401.958	37.401.958
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.396.500	1.396.500
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		0,92	0,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ NAM HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRỊNH BÍCH DUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÁP HỮU ÁNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		141.120.905.172	147.230.846.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.603.886.243	4.687.038.869
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	136.517.018.929	142.543.808.022
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	78.708.934.210	84.015.329.612
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.808.084.719	58.528.478.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	608.063.752	409.424.101
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.285.008.416	2.467.442.228
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.214.962.933	2.358.711.114
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	14.682.276.940	17.699.228.402
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	14.313.189.302	12.649.339.526
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.135.673.813	26.121.892.355
11. Thu nhập khác	31		102.759.359	268.462.852
12. Chi phí khác	32		67.383.549	218.833.203
13. Lợi nhuận khác	40		35.375.810	49.629.649
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.171.049.623	26.171.522.004
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.067.025.526	6.237.382.070
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	201.676.712	329.660.957
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.902.347.385	19.604.478.977
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.15.4	3.946	3.532

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





PHAN THỊ NAM HÀ

TRỊNH BÍCH DUNG

CÁP HỮU ANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		139.423.860.597	144.540.376.040
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(45.586.505.529)	(57.076.114.608)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.910.189.903)	(26.613.370.726)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.214.962.933)	(2.358.711.114)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.437.382.070)	(6.968.355.649)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.969.939.085	6.607.378.934
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(35.735.182.025)	(39.761.158.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.509.577.222	18.370.044.644
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(971.380.021)	(5.109.479.453)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.163.636	196.368.162
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.000.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(660.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		589.757.711	372.618.063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		961.541.326	(11.540.493.228)

(Phần tiếp theo trang 11)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		67.311.751.996	74.257.083.971
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.533.838.898)	(79.134.593.286)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.289.569.830)	(6.016.311.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.511.656.732)	(10.893.820.790)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.959.461.816	(4.064.269.374)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.901.549.723	10.965.819.097
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		9.861.011.539	6.901.549.723

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ NAM HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRỊNH BÍCH DUNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015



TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁP HỮU ANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 10 tháng 09 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 13 là 55.500.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 330 (31/12/2013: 354).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược phẩm;
- Cho thuê mặt bằng;
- Đầu tư, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở;
- Cho thuê văn phòng;
- Cho thuê kho;
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Dịch vụ logistic (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tại hàng không);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Đối với Thành phẩm: Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 100% giá trị của hàng tồn kho đã hết hạn sử dụng, hàng hư hỏng do trong quá trình lưu trữ, hàng còn thời hạn sử dụng dưới 09 tháng. Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 10% giá trị của hàng tồn kho còn thời hạn sử dụng đến 12 tháng.

+ Đối với Nguyên vật liệu, bao bì: Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 100% giá trị của hàng tồn kho do không đạt chất lượng, hết hạn đăng ký, hàng đã hết hạn sử dụng và hàng còn thời gian sử dụng dưới 5 tháng.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2014

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại 930C4 Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, Cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh không có thời hạn sử dụng nên không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.7. Bất động sản đầu tư

▪ Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

▪ Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
+ Quyền sử dụng đất	48 năm
+ Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại 05 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh được khấu hao trong 48 năm.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận theo Nghị quyết Hội đồng quản trị: tỷ lệ tạm chia cổ tức năm 2014 là 18% trên vốn điều lệ của Công ty.

▪ Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

- + Quỹ đầu tư phát triển được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

- + Quỹ dự phòng tài chính không trích lập thêm do đã bằng 10% vốn điều lệ.
- + Quỹ khen thưởng được trích với tỷ lệ 12% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).
- + Quỹ phúc lợi được trích với tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).
- + Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế (không bao gồm chi phí thuế TNDN hoãn lại).

▪ Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

▪ Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

▪ Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

▪ Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

▪ Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.11. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.12. Thuế

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- + Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dược phẩm	5%
+ Thực phẩm chức năng	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- + Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	88.747.500	61.039.900
Tiền gửi ngân hàng	6.772.264.039	5.840.509.823
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	9.861.011.539	6.901.549.723

Tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn 1 tháng và lãi suất 4%/năm.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	24.000.931.668	26.269.460.023
Trả trước cho người bán	523.799.472	2.383.024.785
Các khoản phải thu khác	605.683.737	678.044.529
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	25.130.414.877	29.330.529.337
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(964.879.844)	(658.004.568)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	24.165.535.033	28.672.524.769

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số dư đầu năm	658.004.568	467.438.192
Tăng dự phòng trong năm	306.875.276	190.566.376
Số dư cuối năm	964.879.844	658.004.568

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	15.304.641.644	16.123.443.586
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.735.166.162	2.873.856.105
Thành phẩm	14.351.707.616	19.313.836.768
Cộng giá gốc hàng tồn kho	33.391.515.422	38.311.136.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(420.081.008)	(599.833.221)
Giá trị thuần có thể thực hiện	32.971.434.414	37.711.303.238

(Phần tiếp theo trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.544.359.745	47.442.438.049	4.993.317.978	4.751.575.156	94.731.690.928
Mua trong năm	-	70.000.000	-	-	70.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	193.374.802	1.326.294.796	-	-	1.519.669.598
Tăng tài sản do chuyển từ bất động sản đầu tư	1.601.366.865	-	-	-	1.601.366.865
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.601.366.865)	-	-	-	(1.601.366.865)
Số dư cuối năm	37.737.734.547	48.838.732.845	4.993.317.978	4.751.575.156	96.321.360.526
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.274.063.776	37.018.960.208	4.008.777.050	4.570.860.950	58.872.661.984
Khấu hao trong năm	1.511.669.677	2.862.035.274	378.449.634	69.940.303	4.822.094.888
Khấu hao lũy kế từ bất động sản đầu tư chuyển sang	40.034.172	-	-	-	40.034.172
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(46.706.534)	-	-	-	(46.706.534)
Số dư cuối năm	14.779.061.091	39.880.995.482	4.387.226.684	4.640.801.253	63.688.084.510
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	24.270.295.969	10.423.477.841	984.540.928	180.714.206	35.859.028.944
Tại ngày cuối năm	22.958.673.456	8.957.737.363	606.091.294	110.773.903	32.633.276.016

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 1.535.708.193 VND – Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 38.915.856.456 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

			VND
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	21.810.286.239	668.336.000	22.478.622.239
Mua trong năm	-	179.340.000	179.340.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(17.221.236.148)	-	(17.221.236.148)
Số dư cuối năm	4.589.050.091	847.676.000	5.436.726.091
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.084.937.903	668.336.000	1.753.273.903
Khấu hao trong năm	301.371.630	99.384.250	400.755.880
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.386.309.533)	-	(1.386.309.533)
Số dư cuối năm	-	767.720.250	767.720.250
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.725.348.336	-	20.725.348.336
Tại ngày cuối năm	4.589.050.091	79.955.750	4.669.005.841

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 668.336.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**VND**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.371.736.760	24.643.278.636	6.459.825.606	34.474.841.002
Mua trong năm	-	50.000.000	-	50.000.000
Tăng tài sản do chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.601.366.865	-	1.601.366.865
Tăng tài sản do chuyển từ tài sản cố định vô hình	17.221.236.148	-	-	17.221.236.148
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.601.366.865)	-	(1.601.366.865)
Số dư cuối năm	20.592.972.908	24.693.278.636	6.459.825.606	51.746.077.150
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	212.419.404	8.259.799.826	4.054.222.285	12.526.441.515
Tăng trong năm	131.080.794	873.126.345	310.395.212	1.314.602.351
Khấu hao lũy kế từ tài sản cố định hữu hình chuyển sang	-	46.706.534	-	46.706.534
Khấu hao lũy kế từ tài sản cố định vô hình chuyển sang	1.386.309.533	-	-	1.386.309.533
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(40.034.172)	-	(40.034.172)
Số dư cuối năm	1.729.809.731	9.139.598.533	4.364.617.497	15.234.025.761
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.159.317.356	16.383.478.810	2.405.603.321	21.948.399.487
Tại ngày cuối năm	18.863.163.177	15.553.680.103	2.095.208.109	36.512.051.389

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 5.122.441.586 VND – Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.989.123.482 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.760.000.000	14.100.000.000
Đầu tư dài hạn khác	90.000.000	90.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	14.850.000.000	14.190.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	14.850.000.000	14.190.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Góp vốn bằng tài sản cố định	4.200.000.000	4.200.000.000
Góp vốn bằng tiền	1.660.000.000	1.000.000.000
Cần trừ công nợ	8.900.000.000	8.900.000.000
Cộng	14.760.000.000	14.100.000.000

Đầu tư vào công ty liên doanh là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu Tư Nam Thiên Phát theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh khu phức hợp tại 136 Lý Chính Thắng với Công ty CP XD-TM-DV G.B Sài Gòn. Theo hợp đồng, Công ty Dược Phẩm 2/9 góp 40% vốn điều lệ, trong đó, góp vốn bằng tài sản cố định là công trình kiến trúc trên đất tại 136 Lý Chính Thắng với giá trị do hai bên góp vốn đánh giá là 4.200.000.000 đồng.

Đầu tư dài hạn khác là đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2.

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	2.969.569.258	19.479.656.160
Vay đối tượng khác	1.427.000.000	3.139.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả – Xem thêm mục 5.14	1.320.000.000	1.320.000.000
Tổng cộng	5.716.569.258	23.938.656.160

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng bất động sản là tòa nhà tại 299/22 Lý Thường Kiệt. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động – Xem thêm mục 5.4 và 5.6.

Các khoản vay đối tượng khác là khoản vay cán bộ công nhân viên chịu lãi suất 6,5%/năm và lãi suất này sẽ được điều chỉnh hàng tháng căn cứ theo lãi suất cho vay của ngân hàng. Các khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	309.934.257	433.058.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.867.025.526	3.237.382.070
Thuế thu nhập cá nhân	16.624.610	19.539.359
Tổng cộng	3.193.584.393	3.689.979.973

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.10. Phải trả người lao động

Là khoản trích lập quỹ dự phòng tiền lương còn phải trả cho người lao động.

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả	6.859.093.353	6.158.663.183
Chi phí trích trước	1.146.992.705	1.719.482.975
Tài sản thừa chờ xử lý	2.540.009	24.361.788
Kinh phí công đoàn	70.536.066	95.195.802
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.233.557	8.851.765
Tổng cộng	8.085.395.690	8.006.555.513

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.207.055.261	4.004.049.644
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.285.352.108	2.990.120.990
Trích lập thù lao hội đồng quản trị	1.095.117.369	996.706.997
Tặng khác	1.730.000	38.737.000
Sử dụng trong năm	(3.771.134.479)	(3.822.559.370)
Số dư cuối năm	4.818.120.259	4.207.055.261

5.13. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Nhận góp vốn thực hiện dự án	-	1.500.000.000
Nhận ký quỹ thuê mặt bằng	909.832.728	223.870.680
Nhận ký quỹ gia công	255.000.000	191.708.000
Nhận ký quỹ thuê kho	430.671.072	306.144.000
Số dư cuối năm	1.595.503.800	2.221.722.680

5.14. Vay và nợ dài hạn

Là khoản nợ dài hạn của Công ty CP XD-TM-DV G.B Sài Gòn về chi phí xây dựng Công trình 78-80 CMT8, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.320.000.000 đồng – Xem thêm mục 5.8. Khoản nợ này sẽ được cân trừ với tiền cho thuê nhà hàng năm tại địa chỉ 78-80 CMT8.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.15. Vốn chủ sở hữu**5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	55.500.000.000	17.380.542.000	22.741.833.194	5.550.000.000	9.565.727.627	110.738.102.821
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	19.604.478.977	19.604.478.977
Trích quỹ	-	-	996.706.997	-	(996.706.997)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.990.120.990)	(2.990.120.990)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.435.000.000)	(9.435.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.967.533.619)	(1.967.533.619)
Số dư đầu năm nay	55.500.000.000	17.380.542.000	23.738.540.191	5.550.000.000	13.780.844.998	115.949.927.189
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	21.902.347.385	21.902.347.385
Trích quỹ	-	-	1.095.117.369	-	(1.095.117.369)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.285.352.108)	(3.285.352.108)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.101.115.244)	(1.101.115.244)
Số dư cuối năm nay	55.500.000.000	17.380.542.000	24.833.657.560	5.550.000.000	20.211.607.662	123.475.807.222

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	16.095.000.000	16.095.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	39.405.000.000	39.405.000.000
Tổng cộng	55.500.000.000	55.500.000.000

5.15.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.550.000	5.550.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra		
+ Cổ phần phổ thông	5.550.000	5.550.000
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	5.550.000	5.550.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	21.902.347.385	19.604.478.977
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.550.000	5.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	3.946	3.532

5.15.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	13.780.844.998	9.565.727.627
Lợi nhuận sau thuế trong năm	21.902.347.385	19.604.478.977
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(1.095.117.369)	(996.706.997)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng	(2.628.281.686)	(2.392.096.792)
Trích lập Quỹ phúc lợi	(657.070.422)	(598.024.198)
Chia cổ tức	(9.990.000.000)	(9.435.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị	(1.095.117.369)	(996.706.997)
Nộp bổ sung thuế TNDN theo quyết toán thuế năm 2010 - 2012	-	(675.699.321)
Nộp bổ sung thuế GTGT theo quyết toán thuế năm 2010 - 2012	-	(11.216.973)
Nộp tiền chậm nộp thuế theo Quyết định 4755/QĐ-CT-KT4	-	(215.116.026)
Nộp tiền vi phạm hành chính về thuế theo Quyết định 4755/QĐ-CT-KT4 và 4756/QĐ-CT-KT4	-	(68.794.302)
Giảm khác	(5.997.875)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	20.211.607.662	13.780.844.998

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng sản xuất	135.300.152.845	142.575.995.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	89.079.120	190.944.030
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	5.731.673.207	4.463.907.428
Chiết khấu thương mại	(4.378.614.508)	(3.049.655.090)
Hàng bán bị trả lại	(225.271.735)	(1.637.383.779)
Doanh thu thuần	136.517.018.929	142.543.808.022

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm	76.150.205.498	80.871.092.181
Giá vốn dịch vụ gia công	46.848.225	136.448.259
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	2.715.013.189	2.777.044.221
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	(23.380.489)	(45.915.650)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(179.752.213)	276.660.601
Tổng cộng	78.708.934.210	84.015.329.612

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	566.357.711	355.518.063
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.400.000	17.100.000
Chiết khấu thanh toán	13.470.581	35.942.038
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.835.460	864.000
Tổng cộng	608.063.752	409.424.101

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.214.962.933	2.358.711.114
Chiết khấu thanh toán	70.045.483	108.731.114
Tổng cộng	1.285.008.416	2.467.442.228

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.284.594.904	6.199.640.908
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	290.246.056	466.573.778
Chi phí khấu hao TSCĐ	339.376.726	515.363.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.526.614	800.688.971
Chi phí bằng tiền khác	6.390.532.640	9.716.961.716
Tổng cộng	14.682.276.940	17.699.228.402

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.756.466.993	6.011.369.364
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	389.867.008	534.024.668
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.071.457.575	1.101.310.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.231.223.232	1.853.858.481
Chi phí bằng tiền khác	2.557.299.218	2.958.209.961
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	306.875.276	190.566.376
Tổng cộng	14.313.189.302	12.649.339.526

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	28.171.049.623	26.171.522.004
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.245.799.557	1.929.810.530
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.816.060.427)	(3.134.704.254)
Trừ thu nhập không chịu thuế	(23.400.000)	(17.100.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	27.577.388.753	24.949.528.280
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	6.067.025.526	6.237.382.070

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

			VND
	Chi phí trích trước	Dự phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	(743.435.459)	(40.240.605)	(783.676.064)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	313.564.715	16.096.242	329.660.957
Số dư đầu năm nay	(429.870.744)	(24.144.363)	(454.015.107)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	177.532.349	24.144.363	201.676.712
Số dư cuối năm nay	(252.338.395)	-	(252.338.395)

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.185.138.133	51.383.656.383
Chi phí nhân công	32.476.400.906	32.196.901.802
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.517.160.021	7.376.454.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.882.962.483	7.455.760.546
Chi phí khác bằng tiền	11.414.796.751	16.467.517.763
Dự phòng hàng tồn kho	(179.752.213)	276.660.601
Dự phòng nợ phải thu	306.875.276	190.566.376
Tổng cộng	103.603.581.357	115.347.517.592

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	1.031.000.000	926.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	2.163.280.080	1.587.279.429
Tổng cộng	3.194.280.080	2.513.279.429

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.861.011.539	6.901.549.723
Phải thu khách hàng	23.036.051.824	25.611.455.455
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn	14.850.000.000	14.190.000.000
Tài sản tài chính khác	49.000.000	42.000.000
Tổng cộng	52.796.063.363	53.745.005.178
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.396.569.258	22.618.656.160
Phải trả người bán	5.547.923.952	5.071.478.912
Nợ ngắn hạn và dài hạn	2.640.880.023	3.960.880.023
Chi phí phải trả	1.146.992.705	1.719.482.975
Công nợ tài chính khác	1.595.503.800	2.221.722.680
Tổng cộng	15.327.869.738	35.592.220.750

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	4.396.569.258	-	4.396.569.258
Phải trả người bán	5.547.923.952	-	5.547.923.952
Nợ ngắn hạn và dài hạn	1.320.000.000	1.320.880.023	2.640.880.023
Chi phí phải trả	1.146.992.705	-	1.146.992.705
Công nợ tài chính khác	-	1.595.503.800	1.595.503.800

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	22.618.656.160	-	22.618.656.160
Phải trả người bán	5.071.478.912	-	5.071.478.912
Nợ ngắn hạn và dài hạn	1.320.000.000	2.640.880.023	3.960.880.023
Chi phí phải trả	1.719.482.975	-	1.719.482.975
Công nợ tài chính khác	-	2.221.722.680	2.221.722.680

Hội đồng Quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	23.036.051.824	-	23.036.051.824
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	14.850.000.000	14.850.000.000
Tài sản tài chính khác	7.000.000	42.000.000	49.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	25.611.455.455	-	25.611.455.455
Đầu tư ngắn hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	14.190.000.000	14.190.000.000
Tài sản tài chính khác	-	42.000.000	42.000.000

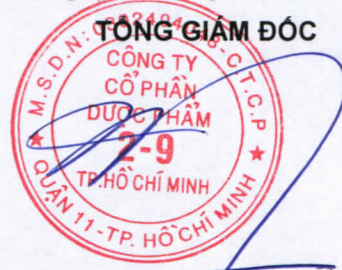
9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Hội đồng Quản trị phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 03 năm 2015.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU**PHAN THỊ NAM HÀ****KẾ TOÁN TRƯỞNG****TRỊNH BÍCH DUNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****CÁP HỮU ÁNH**